

Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2019
V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Ông Tôn Phước Thuận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp T1, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp B, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Phạm Văn H tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2015, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không quan tâm gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến cách nay hơn 01 năm thì

mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Từ khi không còn chung sống, vợ chồng không tới lui thăm nhau, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn H. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/01/2015 (hiện do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Phạm Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn H, anh H có nơi cư trú ấp B, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ.

[3] Chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn H. Chị T và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, anh H không quan tâm gia đình, đến cách nay hơn 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị T yêu cầu ly hôn và triệu tập anh H tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh H vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H không quan tâm gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ cách nay hơn 01 năm đến nay. Bên cạnh đó, trong

thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu trong sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/01/2015 (hiện do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu H1 do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng, nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu và trong quá trình giải quyết anh H cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu về việc được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị T. Do đó, để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị T xác định, không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T đối với anh Phạm Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn **số 17, ngày 25 tháng 02 năm 2015** do Ủy ban nhân dân **xã A**, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc T **và** anh Phạm Văn H không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/01/2015 (hiện do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Ngọc T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Văn H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0012518 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

